

Bản án số: 186/2024/DS-PT

Ngày: 29-11-2024

V/v “Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch
Bà Nguyễn Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Đình Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 236/2024/TLPT-DS ngày 28/10/2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án số 114/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 473/2024/QĐ-PT ngày 07/11/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Việt C, sinh năm 1973. Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: bà Trần Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1974. Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Trương Đình L, sinh năm 1970. Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Việt C; bị đơn bà Trần Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Đình L.

Ông C, bà H, ông L có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Việt C trình bày:

Ngày 01/10/2023, ông viết giấy thỏa thuận cho bà Trần Thị H thuê 7000m² đất ở Đ với giá là 900kg cà phê nhân/năm, thời hạn hợp đồng là 5 năm. Hợp đồng thứ 2, ông cho bà H thuê 6000m² đất ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng đã có cà phê thu chính năm thứ 10 (thực tế là 7000m² đất trồng cà phê đông đặc), hai bên thỏa thuận: năm đầu tiên bà H trả 2 tạ cà phê nhân, năm thứ hai trả 8 tạ cà phê nhân, năm thứ 3 trở đi trả 1 tấn cà phê nhân. Nếu bên cho thuê bán đất trước khi hết hạn hợp đồng thì phải bồi thường cho bên thuê toàn bộ số cà có ở trên cây đến lúc thu hoạch xong, nếu cà phê mới thu xong thì tùy tâm bên cho thuê. Hợp đồng thuê đất có ghi tên ông Trương Đình L là người chung sống cùng với bà Trần Thị H nhưng các bên thống nhất chỉ mình bà H là người thuê đất của ông. Trong quá trình thuê, bà H đã tự ý cắt 2/3 cây (nhánh cây chính) để ghép. Tuy nhiên, bà H chỉ ghép được ít cây nhưng không lên được mầm. Đến đầu tháng 1/2024, bà H không làm vườn nữa và trả lại đất cho ông diện tích đất vườn cà phê khoảng 6000m², số lượng cà phê năm thứ 10 của ông bình thường thu được 3,5 tấn/ha/năm. Do bà H tự ý cưa hạ cành cà phê để ghép mầm nhưng sau đó không tiếp tục làm vườn mà trả lại đất cho ông đã làm ảnh hưởng đến sản lượng cà phê năm 2023 và năm 2024 của ông. Năm 2023, ông thu được tổng sản lượng cà phê quả tươi là 4000kg tương ứng với khoảng 833 kg cà phê nhân nên ông yêu cầu bà H phải bồi thường sản lượng cà phê bị thiệt hại năm 2023 là 50% sản lượng trung bình theo bảng triết tính của cơ quan chuyên môn tương ứng với sản lượng cà phê nhân là 1.050 kg nhân với giá 124.000đ/kg thành tiền là 130.200.000đ; bồi thường sản lượng cà phê bị giảm sút năm 2024 là 600kg cà phê nhân với giá 124.000đ/kg thành tiền là 74.400.000đ.

Ngoài ra, ngày 31/10/2023, bà H nhờ ông lấy hộ 3500 bao phân chuồng, giá 11.000đ/bao thành tiền là 39.300.000đ. Ngày 30/12/2023, bà H còn mượn ông số tiền là 10.000.000đ. Đối với khoản bà Trần Thị H nợ tiền phân chuồng là 3500 bao phân thì trong số này bà H dùng 1400 bao phân bón cho diện tích đất vườn cà phê thuê của ông là khoảng 6000m² thuộc thửa đất số 808, tờ bản đồ số 3 xã T, huyện L,

tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng thuê đất 01/10/2023 thì ông đồng ý trừ số lượng phân bón này ra nhân với đơn giá là 11.000đ/bao thành tiền là 15.400.000đ, ông chỉ yêu cầu bà H phải trả cho ông số lượng phân bón còn lại là 2100 bao phân nhân với đơn giá là 11.000đ/bao thành tiền là 23.100.000đ và yêu cầu bà H phải trả tiền lãi tính từ ngày 01/01/2024 đến nay tính tròn là 07 tháng theo mức lãi suất là 10%/năm thành số tiền là 1.347.500đ.

Đối với số tiền vay, ông cầu bà H phải trả số tiền gốc vay ngày 31/10/2023 là 10.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2024 đến nay, tính tròn là 07 tháng với mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với số tiền lãi là 583.333đ.

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 01/10/2023, bà, ông L và ông C lập hợp đồng thứ nhất về việc ông C cho bà và ông L thuê 7000m² đất ở xã Đ trả bằng cà phê là 900kg cà phê nhân/năm, thời hạn thuê là 5 năm, thỏa thuận bên nào sai phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hợp đồng thứ hai, ông C cho bà và ông L thuê 6000m² đất, hai bên thỏa thuận, năm đầu trả cho ông C 2 tạ cà phê nhân, năm thứ hai trả 8 tạ cà phê nhân, năm thứ ba trả 1 tấn cà phê nhân. Nếu bên cho thuê bán trước thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên thuê toàn bộ số cà phê có ở trên. Nếu bán lúc mới thu xong tùy tâm bên bán. Thời hạn hợp đồng là 5 năm.

Hai bên đã đồng ý và ký vào bản hợp đồng. Bà và ông L đồng ý làm theo hợp đồng. Trong thời gian làm vườn, ông C có nói: làm như thế nào là do bà với ông L, tiền đầu tư vào vườn ông C tự bỏ ra hết, bà và ông L chỉ làm vườn. Trong thời gian, bà cùng ông L làm vườn, ông C thấy giá cà phê lên, ông C kiếm có không đầu tư cho bà và ông L nữa và đòi lại hết số tiền đã đầu tư vào vườn của ông C. Bà nói với ông C: nếu không đầu tư cho bà và ông L nữa thì ông bà không có tiền để làm. Ông C đe dọa bà không được làm vườn nữa và buộc bà phải ký vào hợp đồng với nội dung: “tôi không làm nữa chả lại cho chú C”. Nay ông C khởi kiện yêu cầu bà phải bồi thường sản lượng cà phê bị thiệt hại năm 2023 là 50% sản lượng trung bình theo bảng triết tính của cơ quan chuyên môn tương ứng với sản lượng cà phê nhân là 1.050 kg nhân với giá 124.000đ/kg thành tiền là 130.200.000đ bà không đồng ý. Vì việc bà cưa hạ cành cà phê là để ghép giống cà phê mới cho năng suất hơn và trong thỏa thuận miệng với nhau thì ông C cũng thống nhất bà được tùy ý làm vườn theo cách của bà, miễn là vườn cà phê đẹp.

Ngoài ra, ngày 31/10/2023, bà có ký giấy nợ ông C 3500 bao phân chuồng với số tiền là 39.300.000đ, hạn đến ngày 30/12/2023 sẽ trả nợ cho ông C; ngày 31/10/2023, bà ký vay ông C số tiền là 10.000.000đ, hạn đến ngày 30/12/2023 trả cho ông C. Tuy nhiên, toàn bộ số phân chuồng trên là bà bón vào vườn cà phê của ông C, còn tiền bà dùng đầu tư vào vườn của ông C như thỏa thuận bằng miệng giữa

hai bên nên không đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi đối với hai khoản trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: bà đồng ý với ý kiến trình bày của ông C, việc cho thuê và vay mượn giữa ông C, bà H, ông L nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Ông Trương Đình L trình bày:

Ngày 01/10/2023, ông và bà H cùng ông C có ký hợp đồng thuê đất với nội dung: ông C đồng ý cho ông và bà Trần Thị H thuê 7000m² đất với giá là 900kg cà phê/năm, thời hạn thuê là 5 năm, bên nào sai bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hợp đồng thứ hai, ông C cho ông và bà H thuê diện tích 6000m² đất ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Hai bên thỏa thuận, năm đầu bà H trả cho ông C là 2 tạ cà phê nhân, năm thứ hai bà H trả cho ông C 8 tạ cà phê nhân, năm thứ ba bà H trả cho ông C 1 tấn cà phê nhân. Nếu bên cho thuê bán trước thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên thuê toàn bộ số cà phê có ở trên. Nếu bán lúc mới thu xong thì tùy tâm bên bán. Thời hạn hợp đồng là 5 năm. Tại thời điểm ký hợp đồng vào buổi tối thì có ông, bà H, ông C, vợ ông C là bà T cùng ký vào hợp đồng thuê đất nêu trên, ông C bảo ông ký vào mặt sau của hợp đồng thuê đất vì ông C nói rằng mặt trước không đủ khoảng trống để ông ký vào hợp đồng trên. Sau đó, ông C nói con trai ông C mang hợp đồng thuê đất trên đi phô tô thêm một bản, bản gốc ông C giữ, ông và bà H cầm bản phô tô. Ngày 31/10/2023, ông và bà H có ký giấy nợ phân chuồng ông C là 3500 bao phân chuồng thành tiền là 39.300.000đ, hẹn đến ngày 30/12/2023 phải trả cho ông C, phía dưới có chữ ký của bà Trần Thị H. Ông C có chuyển cho ông và bà H nhiều lần tiền, tổng cộng là 10.000.000đ nên ngày 31/10/2023 bà H ký giấy vay tiền của ông C là 10.000.000đ hẹn đến ngày 30/12/2023 phải trả cho ông C.

Giấy nhận nợ phân chuồng và vay tiền trên là do ông C bảo bà H viết và ký vào. Ông biết việc nợ phân và vay tiền. Nay ông C khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền gốc và tiền lãi 52.800.000đ và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản sản lượng cà phê nhân 1.050 kg nhân với giá 124.000đ/kg thành tiền là 130.200.000đ ông không đồng ý vì ông và bà H vẫn thực hiện theo đúng hợp đồng, đến cuối năm ông và bà H trả đủ sản lượng cà phê cho ông C theo hợp đồng nếu tiếp tục cho thuê. Nay ông C khởi kiện bà H ông đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

Xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Việt C về việc: “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” với bị đơn bà Trần Thị H.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Việt C về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn bà Trần Thị H.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H đồng ý trả cho ông Nguyễn Việt C số tiền 32.000.000đ (*Ba mươi hai triệu đồng*) và lãi 1.866.666đ (*Một triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*); tổng cộng: 33.866.666đ (*Ba mươi ba triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Ngoài ra quyết định của Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 23/9/2024 bà Trần Thị H, ông Trương Đình L kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về bồi thường thiệt hại và yêu cầu ông C trả tiền công, tiền phân cho bà H là 14.000.000đồng và tiền phân, tiền công cho ông L 28.000.000đồng.

Ngày 29/9/2024, ông Nguyễn Việt C kháng cáo yêu cầu bà H phải bồi thường thiệt hại sản lượng cà phê cho ông năm 2023 là 130.200.000đồng và sản lượng cà phê năm 2024 là 600kg cà phê nhân.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông C, bị đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc nguyên đơn ông Nguyễn Việt C khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả số tiền vay 10.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 31/10/2023, tiền phân bón 22.000.000đồng, tiền lãi phát sinh và yêu cầu bồi thường thiệt hại sản lượng cà phê giảm sút năm 2023 là 1.050kg và năm 2024 là 600kg cà phê nhân. Còn bà Trần Thị H không đồng ý bồi thường thiệt hại do sản lượng cà phê bị giảm sút vì hai bên không thực hiện việc thuê đất nên bà đã trả lại đất cho ông C, đối với số tiền vay, tiền phân bón bà đồng ý trả gốc nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự*”

vay tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của ông C, bà H, ông L thấy rằng:

[2.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, đối với tranh chấp về số tiền vay, tiền phân bón. bà H đồng ý trả cho ông C số tiền 32.000.000đ và lãi 1.866.666đ; tổng cộng: 33.866.666đ, các đương sự trong vụ án không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[2.2] Xét kháng cáo của ông C, bà H, ông L liên quan đến việc bồi thường thiệt hại sản lượng cà phê, tiền công chăm sóc và tiền phân bà H, ông L đã bỏ ra đầu tư chăm sóc vườn cà phê theo các hợp đồng thuê đất ngày 1/10/2023:

Ngày 1/10/2023 giữa ông C, bà H có ký hợp đồng thuê đất đối với diện tích đất khoảng 7.000m² tại thôn T, xã T, huyện L với giá 900kg cà phê nhân/năm, thời hạn hợp đồng thuê 5 năm và Hợp đồng thứ 2 cho thuê 6.000m² tại thôn T, xã T, huyện L trên đất có cây cà phê thu chính năm thứ 10, các bên thỏa thuận: năm đầu trả 2 tạ cà phê nhân, năm tiếp theo trả 8 tạ cà phê nhân, năm tiếp theo trả 1 tấn cà phê nhân cho đến hết thời hạn thuê. Thực hiện các hợp đồng trên, nguyên đơn ông C đã thu hoạch xong niên vụ năm 2023 và tiến hành giao đất cho bà H thuê để tiến hành việc cấy ghép giống cà phê mới. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê bên phía nguyên đơn đã lấy lại toàn bộ diện tích đất cho thuê nên các bên phát sinh tranh chấp.

Nguyên đơn cho rằng do bà H không thực hiện đúng như thỏa thuận trong hợp đồng và không chăm sóc dẫn đến một số cây cà phê có sẵn trên phần diện tích đất cho thuê bị chết. Còn bà H cho rằng sau khi nhận vườn, mặc dù hợp đồng thuê đất có ghi tên ông L nhưng thực tế chỉ có một mình bà ký vì bên cạnh vườn của ông C bà cũng có diện tích đất cà phê, có tài sản nên ông C mới cho thuê và bà đã thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Cấp sơ thẩm xác định chủ thể trong các hợp đồng cho thuê trên là ông C, bà H là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông C thừa nhận sau khi thu hoạch cà phê niên vụ năm 2023, ông có giao vườn cho bà H nhưng đến tháng 01/2024 giữa hai bên không thống nhất được việc ghép cành cà phê trên phần diện tích đất ông cho thuê và bà H không chăm sóc dẫn đến một số cây bị chết nên hai bên đã thống nhất chấm dứt việc cho thuê và ông C đã lấy lại diện tích đất cho thuê. Tại thời điểm ông C lấy lại phần diện tích đất cho thuê, bà H cũng đồng ý và ký nhận trong hợp đồng thuê vườn là trả lại diện tích đất trên cho ông C. Như vậy, trên thực tế hai bên đã đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, bên cho thuê đã lấy lại diện tích đất cho thuê và tại thời điểm bị đơn bà H trả lại diện tích đất thuê cũng không yêu cầu bên cho thuê trả tiền công chăm sóc cũng như việc tỉa ghép cành nên không

có thiệt hại xảy ra. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền công của bà H, ông L. Như phân tích trên, ông L không ký vào hợp đồng thuê đất, ông C xác định không cho ông L thuê đất. Việc ông L cùng bà H có thực hiện việc cắt ghép mảnh và bón phân trên diện tích do bà H thuê theo thỏa thuận ngoài hợp đồng giữa bà H với ông C, ông L không có liên quan. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, các đương sự không có yêu cầu đối với số tiền công này nên cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét.

[2.3] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông C về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông C, bị đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông C, bà H, ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Việt C, bà Trần Thị H, ông Trương Đình L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

Xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Việt C về việc: “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” với bị đơn bà Trần Thị H.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Việt C về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn bà Trần Thị H.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H đồng ý trả cho ông Nguyễn Việt C số tiền nợ gốc là 32.000.000đ (*Ba mươi hai triệu đồng*) và số tiền lãi là 1.866.666đ

(Một triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng); Tổng cộng: 33.866.666đ (Ba mươi ba triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Nguyễn Việt C phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 1.700.000đ đã nộp và quyết toán xong.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị H phải chịu 1.693.333đ (Một triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Việt C phải chịu 10.230.000đ (Mười triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 13.304.000đ (Mười ba triệu ba trăm lẻ bốn ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004771 ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Việt C 3.074.000đ (Ba triệu không trăm bảy mươi tư ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí còn dư.

- Án phí phúc thẩm:

Buộc ông Nguyễn Việt C, bà Trần Thị H, ông Trương Đình L mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo các biên lai thu số 0005092 ngày 08/10/2024; số 0005133 ngày 14/10/2024; số 0005134 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Ông C, bà H, ông L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Lâm Hà (02);
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Người tham gia tố tụng (04);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (05).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Tâm